

Bản án số: 29/2018/HS-ST
Ngày 26-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đào Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Văn O, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1997 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn R, xã H, huyện T, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q và bà Trần Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 07/10/2017; có mặt.

- Bị hại:

Cháu Trần Văn T1, sinh ngày 10/7/2002, chết ngày 30/9/2017. Người đại diện hợp pháp duy nhất (Là mẹ đẻ của cháu Trần Văn T1): Bà Tống Thị H1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn A, xã T2, huyện T, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị H2 (tên gọi khác Trần Thị H3), sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn A1, xã T2, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Cháu Bùi Phạm Thái B, sinh ngày 01/8/2001, chết ngày 29/9/2017. Người đại diện hợp pháp (Là cha, mẹ đẻ của cháu Bùi Phạm Thái B): Ông Bùi Công Đ,

sinh năm 1975 và bà Phạm Thị T3, sinh năm 1978 (Bà T3 có văn bản ủy quyền cho ông Đ); Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Ông Trần Văn H4, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn A4, xã A5, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Trần Thị H2 (tên gọi khác Trần Thị H3), sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn A1, xã T2, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn R, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Công ty TNHH vận tải P; Địa chỉ: Thôn A4, xã A5, huyện T, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H4, sinh năm 1985; Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: Thôn A4, xã A5, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 05 phút ngày 29/9/2017 xảy ra vụ tai nạn giao thông tại Tỉnh lộ 359 thuộc địa phận xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, giữa xe mô tô biển kiểm soát 15N1-7942 do Bùi Văn O không có giấy phép lái xe mô tô điều khiển theo hướng từ thị trấn Núi Đèo đi bến phà Rừng, phía sau chở anh Trần Văn H5 đã vượt phía bên trái của xe ô tô biển kiểm soát 15C-023.56 cùng chiều lên phía trước, đi vào phần đường của xe ngược chiều và va chạm với xe máy biển kiểm soát 15AF-052.73 do cháu Trần Văn T1 điều khiển đi ngược chiều phía sau chở cháu Bùi Phạm Thái B làm xe máy của cháu T1 đổ xuống đường vắng về phía trước, tiếp tục va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 15C-023.56 do ông Trần Văn H4 đang điều khiển đi cùng chiều với xe của O. Hậu quả làm các cháu B và T1 chết, 01 xe ô tô, 01 xe mô tô và 01 xe máy bị hư hỏng.

Ngay sau khi tai nạn xảy ra, cơ quan Công an tiến hành đo nồng độ cồn trong khí thở của O xác định: Nồng độ cồn trong hơi thở của O là 0,505ml/l khí thở.

Khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông: Mặt đường Tỉnh lộ 359 rộng 11m, trải nhựa phẳng, đoạn đường thẳng, vị trí xảy ra tai nạn nằm trong phạm vi hiệu lực của biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên hai bên và biển báo người đi bộ sang đường. Xe máy biển kiểm soát 15AF-052.73 đổ nghiêng trái trên mặt đường, đầu xe hướng chéo ra phía tim đường, trục bánh trước và trục bánh sau cách mép đường bên phải lần lượt là 5,3m và 4,3m, trục bánh sau cách trục bánh trước bên phải xe ô tô là 2,6m. Trên mặt đường có 01 vết

cày xước mặt đường nhỏ, rõ, đứt đoạn dài 02 m, điểm đầu cách mép đường bên phải là 05m, điểm cuối nằm dưới bàn để chân phía trước bên trái xe máy biển kiểm soát 15AF-052.73. Một đám máu phun trên mặt đường (kích thước 1,2m x 0,7m), tâm đám máu cách trục bánh sau xe máy biển kiểm soát 15AF-052.73 và cách mép đường bên phải lần lượt là 0,9m và 1,8m. Xe ô tô biển kiểm soát 15C-023.56 đỗ trên mặt đường, trục bánh sau và trục bánh trước cách mép đường bên phải lần lượt là 3,8m và 3,7m. Xe mô tô biển kiểm soát 16N1-7942 đỗ nghiêng trái trên mặt đường, trục bánh trước cách mép đường phải là 06m, trục bánh sau cách mép đường phải là 6,75m, cách điểm đầu vết cày xước là 3,5m.

Giám định pháp y: Nguyên nhân chết của cháu B và T1 là do sốc đa chấn thương, cơ chế hình thành thương tích do va đập mạnh (Kết luận giám định pháp y số 190/GĐPY/201 ngày 03/10/2017 và số 191/GĐPY/2017 ngày 04/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng).

Khám nghiệm các phương tiện gây tai nạn giao thông thu thập các dấu vết:

- Xe ô tô biển kiểm soát 15C-023.56: Toàn bộ ốp cản trước bên phải phía dưới đèn pha bị vỡ để lộ phía trong. Logo đầu xe bật rời không còn. Biển số phía trước đầu xe cong vênh theo chiều từ trước về sau, ép sát vào mảnh tản nhiệt dưới biển số. Mặt ngoài ốp cản trước phía dưới biển số xe phía trước bị mài xước nhựa, trên bề mặt bám dính lại tạp chất lạ màu đỏ, dạng sơn (kích thước 24cm x 11cm). Tâm vết này tương ứng với logo và biển số xe phía trước, điểm thấp nhất cách mặt đất 47cm. Đèn gầm phía trước bên phải không còn, ốp cản trước sườn xe bên trái móp méo, gãy vỡ.

- Xe máy biển kiểm soát 15AF-052.73: Đầu núm tay phanh bên phải gãy rời; mặt ngoài mặt nạ bên phải phía dưới có vết mài trượt nhựa, trên bề mặt bám dính lại tạp chất lạ màu đen, dạng sơn (kích thước 16cm x 04cm), điểm thấp nhất cách mặt đất 75cm; ốp mặt trong bên phải vị trí sát tay nắm phải bị gãy vỡ nhựa để lộ phía trong (kích thước 09cm x 08cm). Toàn bộ cánh yếm phải và ốp sườn xe bên phải gãy vỡ không còn, để lộ phía trong; mặt ngoài đầu nối ống xả bị mài trượt kim loại (kích thước 4,5cm x 0,5cm). Bàn để chân phía trước bên phải cong vênh theo chiều từ trước về sau; ốp nối bàn để chân phía sau bên phải với thân xe bị gãy (kích thước 7cm x 4,5cm) làm phần để chân gắn vào ống xả bung bật; mặt ngoài cụm đèn pha bên trái bị mài xước nhựa, trên bề mặt có bám dính lại tạp chất lạ màu đỏ dạng sơn (kích thước 10cm x 06cm); tay lái xe di lệch theo chiều từ sau về trước, từ trái sang phải; một phần ba mặt ngoài yếm xe bên trái phía trên bị mài xước nhựa (kích thước 21cm x 17cm); bàn để chân phía trước cong gập ép sát vào cổ máy bên trái; bàn để chân phía sau bên trái gãy rời không còn; ½ mặt ngoài ốp sườn xe phía sau bên trái bị gãy mài xước nhựa (kích thước 37cm x 09cm); cụm đèn hậu gãy vỡ bật rời mấu hàn, để lộ phía trong; ½ mặt ngoài yên xe bên phải rách thủng để lộ phía trong (kích thước 30cm x 16cm); biển kiểm soát xe gãy rời

khỏi vị trí cùng với ốp chắn bùn phía sau; mặt ngoài các dây điện phía dưới võng xe bên phải màu xanh có vết mài xước nhựa (kích thước 1,5cm x 0,15cm) và dây màu đỏ có vết mài xước nhựa (kích thước 1,6cm x 0,15cm).

- Xe mô tô biển kiểm soát 16N1-7942: Chắn bùn phía trước đầu xe gãy, vỡ rời; vành xe gãy vỡ $\frac{1}{2}$ làm lốp xe, xăm xe bật rời, làm toàn bộ trục đầu xe tiếp giáp mặt đất; một phần ba phía trên cách yếm, bên phải gãy, trên bề mặt bám dính lại tạp chất màu đỏ, màu xanh dạng sơn (kích thước 03cm x 1,5cm), điểm thấp nhất cách mặt đất 52cm; mặt ngoài núm tay nắm bên trái bị mài vệt kim loại theo chiều từ trước về sau (kích thước 1,5cm x 0,3cm); mặt ngoài bàn đạp chân phía trước bên trái bị mài xước kim loại (kích thước 01cm x 0,5cm).

Kết luận định giá tài sản ngày 24/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 15AF-052.73 có giá trị 15.000.000 đồng; chi phí sửa chữa ô tô biển kiểm soát 15C-023.56 là 19.614.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Xe ô tô biển kiểm soát 15C-023.56, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là của Công ty TNHH Vận tải P, ông Trần Văn H4 là người đại diện theo pháp luật nên Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe lại cho ông H4. Xe máy biển kiểm soát 15AF-052.73, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Trần Thị H2 nên Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe cho chị H2 sử dụng. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16N1-7942, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Văn Q là bố đẻ của O nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Q sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Bùi Văn Q là cha đẻ O đã nhận lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16N1-7942 và không có yêu cầu O phải bồi thường thiệt hại. Chị Trần Thị H2 đã nhận lại xe máy biển kiểm soát 15AF-052.73 và không yêu cầu O phải bồi thường thiệt hại. Ông Trần Văn H4 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Vận tải Phúc Thịnh đã nhận lại tài sản là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 15C-023.56 và không có yêu cầu O bồi thường thiệt hại. Người đại diện hợp pháp của các cháu T1 và B đã nhận tiền bồi thường của O và gia đình O với số tiền cho mỗi cháu là 50.000.000 đồng và không yêu cầu O bồi thường thêm và có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho O.

Cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 12/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Bùi Văn O về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo điểm a, b, đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên toà:

Bị cáo O khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên và đồng ý với tội danh mà Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo nhưng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan đến vụ án trình bày đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo O. Kiểm sát viên đánh giá bị cáo: Về hành vi, bị cáo đã điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe mô tô, trong hơi thở có nồng độ cồn 0,505ml/l khí thở, vượt xe không quan sát đi vào làn đường ngược chiều vi phạm các quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 8; khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ; hậu quả cháu T1 và B chết và 01 xe mô tô, 01 xe ô tô hư hỏng nặng; bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Qua phân tích, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b, đ khoản 2 Điều 202, Điều 33 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 7, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo O phạm tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, phạt bị cáo O từ 05 năm tù đến 06 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, không có yêu cầu mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và từ chối việc chỉ định mời Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước cho bị hại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

- Về tội phạm mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Bùi Văn O:

[2]. Khoảng 21 giờ 05 phút ngày 29/9/2017, bị cáo O điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16N1-7942 không có giấy phép lái xe theo quy định, trong cơ thể có nồng độ cồn vượt quá mức cho phép (nồng độ Etanol có trong khí thở của O là 0,505ml/l khí thở), vượt xe không đảm bảo an toàn gây thiệt hại cho người và phương tiện khác. Hậu quả làm hai người chết là các cháu Trần Văn T1, Bùi Phạm Thái B, thiệt hại về tài sản có tổng trị giá là 34.614.000 đồng. Bị cáo O là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo O không có giấy phép lái xe mô tô, thấy trước được việc sử dụng rượu có nồng độ cồn vượt mức quy định khi điều khiển xe mô tô có thể xảy ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng bị cáo O vẫn có hành vi điều khiển xe mô tô, cố ý vượt xe khác đi vào làn đường của xe ngược chiều gây va chạm với xe máy do cháu Trần Văn T1 điều khiển ngược chiều. Hậu quả làm cháu Trần Văn T1 và Bùi Phạm Thái B chết và các xe máy, xe ô tô của chị Trần Thị H2 và của Công ty TNHH Vận tải P bị hư hỏng do nguyên nhân trực tiếp bởi hành vi điều khiển xe mô tô của bị cáo O, vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 8, khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ và hướng dẫn tại Điều 2, 3 Thông tư số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013. Các điều luật này quy định:

“Điều 8: Các hành vi bị nghiêm cấm...

8. Điều khiển xe ô tô... mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50miligam/100 mililit máu hoặc 0,25miligam/01 lít khí thở.

9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định...”

“- Điều 14: Vượt xe

....

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt ...

5. Không được vượt xe khi có một trong các trường hợp sau đây:

a, không bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 điều này”.

Hành vi của bị cáo O trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông, xâm phạm đến tính mạng và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hậu quả từ hành vi của bị cáo O làm hai người chết và thiệt hại tài sản là 34.614.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận truy tố của Viện kiểm sát, kết luận bị cáo O phạm tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ được quy định tại điểm a, b, đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

[3]. Tình hình tai nạn giao thông thời gian gần đây có diễn biến khó lường chủ yếu do ý thức của người tham gia giao thông. Do đó, việc đưa ra xét xử và áp dụng hình phạt đối với người thực hiện hành vi vi phạm an toàn giao thông gây

nguy hiểm cho xã hội là cần thiết. Xem xét loại hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Bị cáo O đã nhận thức rõ hành vi vi phạm pháp luật giao thông của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra nhưng bị cáo vẫn vi phạm nhiều quy định của Luật Giao thông đường bộ. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật. Xem xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi gây tai nạn bị cáo đã chủ động cùng gia đình bồi thường cho bị hại tổng số tiền 100.000.000 đồng và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường thêm đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Do đó Hội đồng xét xử xét mức hình phạt chính mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo O là phù hợp, đảm bảo trừng trị và giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; Đối với hình phạt bổ sung, Hội đồng xét xử xét không áp dụng đối với bị cáo O.

- Về trách nhiệm dân sự:

[4]. Người đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[5]. Đã được giải quyết xong tại Cơ quan điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Những vấn đề khác trong vụ án:

[6]. Trong vụ án này: Ông Bùi Văn Q là bố đẻ của bị cáo Bùi Văn O và bị cáo khai nhận ông Q để xe mô tô ở nhà, bị cáo O tự ý lấy xe mô tô đi không hỏi ông Q nên không có căn cứ để Cơ quan điều tra xử lý hành vi giao xe mô tô cho người không có giấy phép lái xe mô tô điều khiển. Chị Trần Thị H2 khai nhận em trai Trần Văn T1 tự ý lấy xe máy BKS 15AF- 052.73 của chị để đi, chị không biết việc T1 lấy xe đi nên không có căn cứ để Cơ quan điều tra xử lý hành vi chính.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b, đ khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt: Bùi Văn O 05 (năm) năm tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giam ngày 07 tháng 10 năm 2017.

Về án phí áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Văn O phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chính quyền cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư Pháp thành phố Hải Phòng;
- PV27, CAHP;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân